TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 523/2024/ HNGĐ -ST

Ngày: 21 – 8 – 2024

"V/v ly hôn giữa
chị N và anh L"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Anh

2. Ông Lê Thanh Tân

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hoàng Nam là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang *tham gia phiên tòa:* ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 142/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Bích N (tên thường gọi là Nguyễn Thị Thùy D), sinh năm 1997, *(có đơn xin vắng mặt).*

Nơi cư trú: tổ H, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện tại: Số D, tổ A, ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0796. 251. 913

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn Vũ L, sinh năm 1994, *(vắng mặt).*

Nơi cư trú: tổ H, ấp H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0865. 569. 620

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 12 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Năm 2019, thông qua mai mối chị và anh Nguyễn Văn Vũ L đồng ý kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 26/3/20219. Vợ chồng sống bình thường tại nhà cha mẹ chồng (thuộc xã P, huyện P, tỉnh An Giang), do mai mối nên chị không có tình cảm nhiều với anh L. Anh chị cùng đi làm công nhân với cha mẹ chồng tại tỉnh Bình Dương, sống cùng nhà trọ, tiền lương của anh chị thì mẹ chồng quản lý, anh L nhu nhược mọi việc đều dựa vào mẹ chồng, vợ chồng muốn làm ăn gì thì anh L không quyết định được mà kêu chị hỏi mẹ chồng, chị và mẹ chồng không phù hợp nhau trong cách sống, do không có tiền nên chị không làm ăn và không về quê được, nên chị nhẫn nhịn chịu đựng. Tháng 3/2022 con bị ngã, vợ chồng cãi nhau và anh L đánh chị. Ngày 30/4/2022 chị mang con (Nguyễn Thị Yến N1) về quê sống với cha mẹ ruột chị và vợ chồng ly thân, mẹ chồng về quê đòi bắt con cho anh L nuôi và chị đã giao con cho anh L. Sau đó cha mẹ hai bên có gặp nhau hòa giải vợ chồng, nhưng chị cương quyết ly hôn và không trở lại sống chung với anh L. Khi gửi đơn ly hôn chị có báo cho anh L biết thì anh L nói chị muốn làm gì thì làm. Nay, chị không còn tình cảm chị yêu cầu ly hôn anh L.

+ Nuôi con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 20/8/2020, hiện tại anh L đang nuôi dưỡng, chị đồng ý giao con cho anh L tiếp tục nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về chia tài sản và nợ chung: không có.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 chị Nguyễn Thị bích N2 (tự là Nguyễn Thị thùy D1) có đơn xin vắng mặt.

- Anh Nguyễn Văn Vũ L (là bị đơn) đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu của nguyên đơn, không đến Tòa án làm việc và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của anh L.

- Tại Biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 08/5/2024 của Tòa án lấy khai bà Mai Thị Kim H (tự Lượm) cho biết, bà là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị Bích N (Nguyễn Thị Thùy D). Năm 2019, thông qua mai mối N và L đồng ý kết hôn, gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Sau klhi cưới N sống bên nhà cha mẹ chồng ở xã P và đi làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Vợ chồng N, L sống bình thường, đến ngày 30/4/2022 N mang con về ở với bà và cho biết không trở về bên chồng nữa vì không thể sống bên nhà chồng, chứ không cho biết nguyên nhân mâu thuẫn. Vài tháng sau (không nhớ tháng nào) anh chị sui (cha mẹ ruột của L) đến nhà bà nói không biết lý do gì N về bên này mà không trở về nhà chồng và đòi ly hôn với L, lúc này không có mặt N và L, chỉ có sui gia nói chuyện với nhau. Chị sui đòi bắt con chung của N và L là cháu Nguyễn Thị Yến N1 về cho L nuôi, chị sui cho rằng chỉ có L là con một, cần có cháu, thấy vậy bà giao cháu N1 cho anh L nuôi.

Tết năm 2023 anh chị sui và L đến nhà bà, lúc này có mặt N và L, hai đứa nói chuyện về việc bắt con và cãi nhau, chứ không nói chuyện hàn gắn, thấy vậy hai bên sui gia giúp hàn gắn cho N và L, nhưng N không đồng ý trở lại sống chung với L và

cương quyết ly hôn. Từ năm 2022 đến nay N và L ly thân, thời gian ly thân L không có đến hàn gắn với N.

Nay N yêu cầu ly hôn với L, bà không có ý kiến tùy theo quyết định của N và Tòa án.

- Tại Biên bản xác minh ngày 17/7/2024 của Tòa án, xác minh ông Đặng Văn H1 (ông ngoại của anh Nguyễn Văn Vũ L) về tình trạng hôn nhân của chị N (tự D) và anh L. Ông H1 cho biết, N và L cùng cha mẹ L đi làm thuê ở tỉnh Bình Dương một thời gian D về nhà cha mẹ ruột sinh sống, L về rước thì N (D) không chịu đi, vợ chồng không có mâu thuẫn, N và L có 01 con chung Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 20/8/2024 do L đang nuôi dưỡng. Nay chị N (D) xin ly hôn thì ông đồng ý việc ly hôn của chị N (D) và anh L.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định, riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) đối với anh Nguyễn Văn Vũ L theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; về nuôi con chung, giao 01 con chung tên Nguyễn Thị Yến N3, sinh ngày 20/8/2020 cho anh L nuôi, hiện tại anh L đang nuôi dưỡng; chia tài sản và nợ chung không có; về án phí, chị N (D) phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Vũ L, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N (tự D) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N (tự D) và anh L.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Hôn nhân của chị N (tự D) và anh L là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng, theo chị N (tự D) khai do mai mối nên không có nhiều tình cảm, anh L không quyết đoán, phụ thuộc mẹ chồng, anh L có hành vi bạo lực đánh chị. Bà Mai Thị Kim H (mẹ đẻ chị N) cho biết vợ chồng có cãi nhau về việc bắt con, thời gian ly thân hai bên không hàn gắn, N yêu cầu ly hôn tùy theo quyết định Tòa án; ông Đặng Văn H1 (ông ngoại anh L) cho biết, do chị N (tự D) không theo anh L để đi làm, chị N xin ly hôn anh L thì ông đề nghị cho chị N (tự D) và anh L ly hôn. Chị N (tự D) và anh L có thời gian dài ly thân từ năm 2022 đến nay không hàn gắn, bỏ mặc nhau ai sống ra sao thì sống, từ lúc chị N (tự D) khởi kiện ly hôn đến nay anh L cũng không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N (tự D) và và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị N (tự D) và L.

[2.2] Về nuôi con chung: chị N (tự D) đồng ý giao 01 người con chung tên Nguyễn Thị Yến N1 cho anh L nuôi dưỡng. Từ lúc ly thân đến nay anh L nuôi cháu N1 ổn định. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Yến N1 cho anh L nuôi dưỡng. Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*", nhưng anh L không yêu cầu chị N (tự D) cấp dưỡng cho con là tự nguyện của anh, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chị N (tự D) có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: chị N (tự D) khai không có, nên không đề cập.

[2.5] Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị thùy D1) xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) và anh Nguyễn Văn Vũ L trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N (tự D) phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa Nguyễn Thị Bích N (tên thường gọi là Nguyễn Thị Thùy D) và anh Nguyễn Văn Vũ L.

2. Về nuôi con chung: giao 01 người con chung tên Nguyễn Thị Yến N1, sinh ngày 20/8/2020 cho anh Nguyễn Văn Vũ L nuôi, hiện tại anh L đang nuôi dưỡng cháu N1. Chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) không trực tiếp nuôi con, chị có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng cho con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) và anh Nguyễn Văn Vũ L trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Bích N (tự là Nguyễn Thị Thùy D) phải chịu 300.000đ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006702 ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS H. Phú Tân;
- UBND xã Phú Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Kim Phương